



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 01 (01/01-05/01/24)

*Thống kê phản ứng TTCK giai đoạn Fed hạ lãi suất
và bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tiếp tục tích lũy cổ phiếu vùng giá thấp chờ phiên bùng nổ theo đà*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Thống kê phản ứng TTCK giai đoạn Fed hạ lãi suất và bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index vượt kênh giá trên của hình hộp*
5. TIN VĨ MÔ: *Phó Thủ tướng ký Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Du lịch và giải trí +5.01%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tiếp tục tích lũy cổ phiếu vùng giá thấp chờ phiên bùng nổ theo đà

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1129.93	2.44%
GTGD/phiên (tỷ VND)	12,643.18	23.58%
Khối ngoại (tỷ VND)	463.33	
HNX-INDEX	231.04	1.21%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1128.55	-0.06%
Khối ngoại (tỷ VND)	14.66	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4769.83	-0.28%	0.32%	3.81%
EU (EURO STOXX)	4521.65	0.16%	0.00%	2.33%
China (SHCOMP)	2974.94	0.68%	2.06%	-1.87%
Japan (NIKKEI)	33464.17	-0.22%	0.89%	0.10%
Korea (KOSPI)	2655.28	0.00%	2.15%	6.00%
Singapore (STI)	3240.27	0.80%	3.18%	4.85%
Thailand (SET)	1415.85	0.00%	0.77%	2.57%
Phillipines (PCOMP)	6450.04	-1.06%	-0.78%	3.28%
Malaysia (KLCI)	1454.66	-0.19%	0.02%	-0.12%
Indonesia (JCI)	7272.80	-0.43%	0.49%	3.02%
Vietnam (VNIndex)	1129.93	0.09%	2.44%	2.52%

TTCK VIỆT NAM

TT vẫn bền bỉ tích lũy vùng giá thấp trong tuần khối ngoại bán ròng

VN-Index kết thúc năm 2023 bằng 1 tuần tăng điểm mạnh 2.4%, qua đó ghi nhận mức tăng 12.2% yoy. Khối ngoại giảm dần đà bán và quay lại mua ròng 20 triệu USD đã thu hút dòng tiền nội giúp thanh khoản mở rộng 16% so với tuần trước. Đà tăng điểm áp đảo với 70% và 18/18 ngành tăng điểm. Cùng với các cổ phiếu lớn nâng đỡ chỉ số, ngành Du lịch và giải trí, truyền thông và bất động sản tăng trên 3%. Diễn biến thị trường phần nào có sự tham gia nâng đỡ NAV vào cuối năm từ khối ngoại. Sự trở lại mua ròng từ khối này cũng củng cố tâm lý và giúp thị trường thoát khỏi vùng giá nhạy cảm. Xu hướng giằng co sẽ sớm quay lại sau kỳ nghỉ Lễ và không loại trừ vẫn còn những rung lắc trong vùng tích lũy. NĐT cân nhắc tăng tỷ trọng cổ phiếu ở vùng giá thấp cho chiến lược đầu tư trong năm 2024.

GSO công bố các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô năm 2023, theo đó GDP ước +5.05%; ngành công nghiệp +3.02%yoy; Tổng mức BLHH và DV tiêu dùng +9.6% yoy; FDI đăng ký mới +32.2%yoy và thực hiện +3.5%; thu ngân sách +6% dự toán, thâm hụt 14 nghìn tỷ; ngạch XNK -9%yoy và xuất siêu 28 tỷ USD; CPI bình quân +3.25%; tỷ lệ thất nghiệp +2.28%. Tăng trưởng GDP không đạt kế hoạch dù vậy nền tảng vĩ mô ổn định là cơ sở vững chắc hướng tới mục tiêu thách thức trong năm 2024. Cùng với đó mặt bằng lãi suất huy động giảm về mức thấp kỷ lục ở mức trung bình 4.95% cho kỳ hạn 1 năm của 4 Ngân hàng quốc doanh. Lãi suất huy động thấp sẽ đẩy nhanh quá trình giảm chi phí lãi vay cho nền kinh tế và hỗ trợ Doanh nghiệp phục hồi trong năm 2024.

TTCK THẾ GIỚI

TTCK Hoa Kỳ có cơ hội lập đỉnh kỷ lục mới kết thúc năm 2023

Các chỉ số CK Hoa Kỳ tiến đến các mức điểm cao kỷ lục kết thúc 2023, ghi nhận tuần tăng điểm bình quân 0.8% nhờ hiệu ứng “Santa Claus rally” và lạc quan về triển vọng trong năm 2024. Thị trường Châu Âu và Châu Á cũng hòa theo nhịp tăng chung. TTCK Trung Quốc (CSI 300) kết thúc chuỗi tuần tiêu cực với mức tăng 2.8%, thu hẹp mức giảm trong năm xuống còn -11.3%. Lợi tức trái phiếu Hoa kỳ 10y và chỉ số DXY tiếp tục duy trì đà giảm lần lượt -0.02% và -0.3%, mở rộng mức giảm -0.17% và -2.1% trong tháng 12. Chỉ số hàng hóa đi ngang với +0.01%, giá dầu dẫn đầu đà giảm -1.7% trong khi giá vàng vẫn tăng +0.7% và quặng sắt +2.5%. Ngoại trừ thị trường chứng khoán các thị trường có mức độ biến động thấp trong tuần kết thúc năm.

Các ngân hàng toàn cầu tiếp tục nhận định tích cực về lạm phát, theo đó Goldman Sach dự lạm phát trung bình các nền kinh tế gần về mục tiêu của các NHTW; Oxford Economics kỳ vọng lạm phát EU và Hoa Kỳ giảm về 1.3% và 2.2% vào cuối năm 2024. Các yếu tố kéo giảm lạm phát gồm thực phẩm, năng lượng, giá cả hàng hóa toàn cầu và chính sách tiền tệ. Lạm phát hạ nhiệt sẽ mở đường cho các đợt giảm lãi suất trong năm 2024. BOE dự báo sẽ có 152 đợt giảm lãi suất trong năm 2024, cao nhất kể từ năm 2009. Nhận định chung các tổ chức cho rằng hầu hết nền kinh tế sẽ tăng trưởng chậm lại trong năm 2024 nhưng sẽ không rơi vào suy thoái nhờ các đợt cắt giảm lãi suất, hạ nhiệt lạm phát và chuỗi cung ứng bình thường hóa.

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Thống kê phản ứng TTCK giai đoạn Fed hạ lãi suất và bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ*

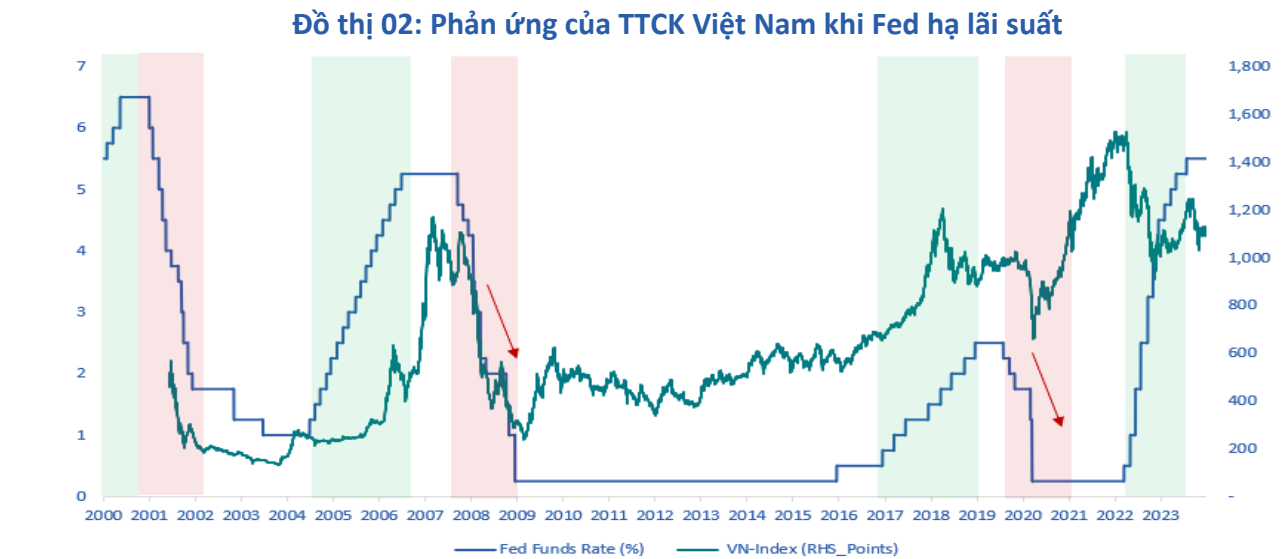
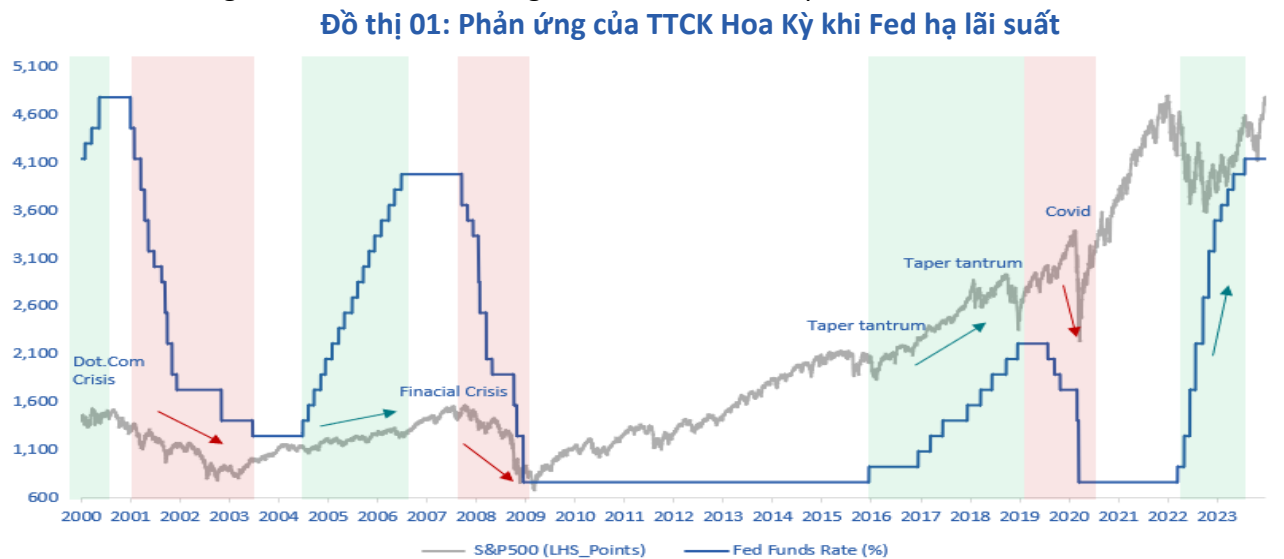
Tại cuộc họp FOMC ngày 13/12/2024, FED đã phát đi một tín hiệu mềm mỏng. Đây là động thái được dự đoán từ trước, nhằm kích thích nền kinh tế Mỹ sau giai đoạn thắt chặt. Cùng với đó, cuộc bầu cử tổng thống Mỹ sẽ diễn ra vào tháng 11/2024. Kết quả bầu cử có thể tác động đến chính sách kinh tế của Mỹ, từ đó ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu. Những diễn biến này có thể tác động đến kinh tế và chứng khoán thế giới, trong đó có Việt Nam.

1. Những đợt cắt giảm lãi suất của FED:

Từ năm 2000 - nay, Fed đã trải qua 3 chu kỳ hạ lãi suất: **Giai đoạn 2001 - 2003 (2.5 năm, 13 lần, mức giảm -5.5%); giai đoạn 2007 - 2008 (1.2 năm, 10 lần, mức giảm -5.25%); giai đoạn 2019 - 2020 (0.6 năm, 5 lần, mức giảm -2.52%).**

FED cắt giảm lãi suất không thực sự mang lại lợi ích cho chứng khoán. Dựa vào *Biểu đồ 01, 02*, có thể thấy rằng trong những đợt cắt giảm lãi suất gần đây của Fed từ năm 2000 đến nay, S&P500 và VN-Index đều có xu hướng giảm điểm. Có nhiều nguyên nhân giải thích cho hiện tượng này. Một lý do là cắt giảm lãi suất thường xảy ra khi nền kinh tế đang yếu và cần được kích thích. Tuy nhiên, sau thời gian trung - dài hạn khi chính sách nới lỏng thẩm thấu, thị trường chứng khoán tăng trở lại.

Do đó, NĐT nên thận trọng khi đầu tư vào cổ phiếu trong thời kỳ Fed cắt giảm lãi suất. Tuy nhiên, nếu có thể nắm giữ cổ phiếu trong thời gian trung và dài hạn, NĐT có thể hưởng lợi từ sự phục hồi của thị trường khi chính sách nới lỏng thẩm thấu có hiệu quả.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 01: Tổng hợp các chu kỳ Fed hạ lãi suất và diễn biến S&P500, VN-Index sau khi chu kỳ hạ lãi suất kết thúc

					S&P 500							VN-Index						
Lần hạ đầu	Lần hạ cuối	Số lần giảm	% Giảm	Giá trị giảm trung bình 1 lần (%)	1D	1W	1M	3M	6M	9M	12M	1D	1W	1M	3M	6M	9M	12M
03/01/2001	25/06/2003	13	-5.5	-0.42	1.08%	1.89%	1.36%	5.19%	8.58%	18.02%	14.32%	-0.50%	-0.63%	-1.97%	-8.06%	5.96%	76.80%	66.39%
18/09/2007	16/12/2008	10	-5.25	-0.53	-0.96%	-5.48%	-4.53%	-21.20%	3.46%	12.57%	21.59%	1.55%	2.53%	3.61%	-15.03%	48.63%	78.41%	84.56%
01/08/2019	16/03/2020	5	-2.25	-0.45	6.00%	-6.23%	15.74%	35.47%	46.69%	49.93%	64.90%	-0.28%	-10.87%	2.40%	20.33%	17.89%	32.94%	49.08%

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Thống kê phản ứng TTCK giai đoạn Fed hạ lãi suất và bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ*

2. Những đợt bầu cử Tổng thống tại Hoa Kỳ:

Năm 2024, tháng 11 sẽ diễn ra cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ - cuộc bầu cử này sẽ quyết định ai sẽ là tổng thống thứ 60 của Hoa Kỳ và sẽ có ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại và kinh tế của Hoa Kỳ. Cuộc bầu cử tại nền kinh tế lớn nhất thế giới có thể có những tác động lớn đến nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

BSC đã thống kê phản ứng của S&P 500 và VN-Index trong những năm diễn ra bầu cử tại Hoa Kỳ:

S&P500 và VN-Index đều có xu hướng tăng giá trong thời gian diễn ra các đợt bầu cử tổng thống tại Mỹ, lý do có thể đến từ thị trường kỳ vọng vào chính sách phát triển kinh tế xã hội của chính quyền mới. Tuy nhiên, mức độ tăng giá và thời gian tăng giá có thể khác nhau tùy thuộc vào tình hình kinh tế vĩ mô và chính trị. Tuy nhiên, trong những năm khủng hoảng, tâm lý tiêu cực bao trùm tất cả những thông tin tích cực khác.

Nhìn chung, xu hướng tăng giá của S&P500 và VN-Index trong thời gian diễn ra các đợt bầu cử tổng thống tại Mỹ là một hiện tượng đáng chú ý. Tuy nhiên, mức độ tăng giá và thời gian tăng giá có thể khác nhau tùy thuộc vào tình hình kinh tế vĩ mô và chính trị.

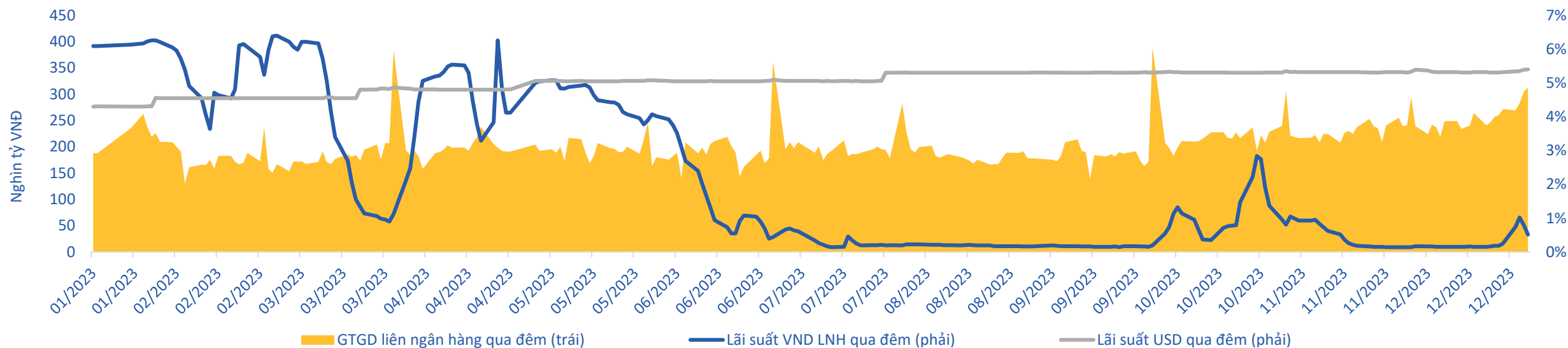
Bảng 01: Phản ứng của TTCK trong những lần bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ

Date	S&P 500							VN-Index						
	1D	1W	1M	3M	6M	9M	12M	1D	1W	1M	3M	6M	9M	12M
03/11/2020	2.20%	5.23%	8.71%	14.26%	22.73%	29.68%	28.99%	0.47%	1.76%	7.85%	21.46%	35.59%	38.71%	44.82%
08/11/2016	1.11%	1.91%	3.40%	6.51%	11.64%	15.01%	19.21%	-0.92%	-0.33%	-3.69%	3.08%	4.60%	13.46%	19.84%
06/11/2012	-2.37%	-3.77%	-1.49%	5.56%	10.53%	17.35%	15.90%	1.05%	2.19%	1.37%	28.40%	25.66%	31.64%	33.23%
04/11/2008	-5.27%	-10.62%	-15.60%	-15.91%	-15.48%	-9.93%	4.87%	4.53%	-2.69%	-14.94%	-16.11%	-13.47%	15.80%	52.73%
02/11/2004	1.12%	2.97%	3.83%	3.35%	1.97%	8.11%	7.42%	0.00%	0.00%	-1.30%	0.86%	5.28%	7.27%	22.96%
07/11/2000	-1.58%	-3.42%	-3.86%	-4.06%	-15.53%	-15.19%	-26.20%	1.85%	5.57%	17.79%	62.46%	111.17%	176.93%	46.13%
Trung bình	-0.80%	-1.28%	-0.84%	1.62%	2.64%	7.50%	8.36%	1.16%	1.08%	1.18%	16.69%	28.14%	47.30%	36.62%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.77%	1.98%	1.99%	1.98%	3.20%	4.74%	5.87%
So với tuần trước	0.58%	1.52%	0.85%	0.51%	-0.13%	-0.44%	-0.13%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	292,607.50	34,325	9,503	4,856	5,236	2,142	7
So với tuần trước	14.64%	158.98%	70.01%	-51.56%	101.42%	445.66%	-41.67%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 28/12/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Lãi suất liên ngân hàng qua đêm bất tăng trong tuần cuối năm và duy trì ở mức bình quân cao hơn.

PTKT VN-INDEX: VN-Index vượt kênh giá trên của hình hộp

Đồ thị ngày: Trái ngược với diễn biến tuần trước, VN-Index có phiên bứt tốc đầu tuần vượt SMA20 và duy trì đà tăng vượt kênh giá trên của hình hộp. Khối ngoại dừng bán ròng và quay trở lại mua ròng cởi trói tâm lý và giúp chỉ số tăng điểm tuần qua. Thị trường có đến 3/5 cây nến doji bóng nến gần sát ngưỡng 1,130 điểm cho thấy áp lực giằng co tại ngưỡng kháng cự. Cùng với đó thanh khoản duy trì ở mức trung bình và chưa xác nhận một phiên breakout chính thức. Các chỉ báo kỹ thuật ở mức trung tính.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng 47 lên 60 điểm.
- MACD vượt đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 16% so tuần trước.
- VN-Index vượt trên SMA 20, SMA 50, SMA 200.

Kết luận: VN-Index đang có vận động tích cực vượt qua kênh quá trên của hình hộp dù vậy vận động giá không có sự ủng hộ giao dịch và có yếu tố tạo lập đỡ NAV. Cây nến doji cuối tuần chưa thể vượt cản 1,130 điểm với thanh khoản trung bình cho thấy sự thiếu đồng thuận để vượt mô hình hộp qua đó xác lập xu hướng tăng điểm. Diễn biến giằng co có thể còn quay lại sau kỳ nghỉ lễ và không loại trừ những phiên rung lắc rơi trở lại mô hình hộp. Chỉ số cần thêm cây nến chỉ hướng để xác lập lại xu hướng tăng điểm ngắn hạn.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *Phó Thủ tướng ký Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030*

VIỆT NAM:

- Phó Thủ tướng Chính phủ: ký Quyết định 1726 ngày 29/12/2023 phê duyệt Chiến lược phát triển TTCK đến năm 2030. Mục tiêu cụ thể là quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 100% GDP vào năm 2025 và đạt 120% GDP vào năm 2030. Dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP (trong đó dư nợ TPDN đạt tối thiểu 20% GDP) vào năm 2025 và đạt tối thiểu 58% GDP vào năm 2030; thị trường chứng khoán phái sinh tăng trưởng trung bình khoảng 20% - 30% mỗi năm trong giai đoạn 2021 - 2030.
- Dự kiến đến cuối năm 2023, dư nợ công khoảng 37% GDP, dư nợ Chính phủ khoảng 34% GDP.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Đã ký các văn bản chuyển giao 10.3 triệu tấn CO2 cho Ngân hàng Thế giới với số tiền thu về đạt gần 1,250 tỷ đồng.
- Bộ tài chính: Đến ngày 25/12, thu NSNN đạt 1.69 triệu tỷ đồng, tăng 4.5% so dự toán. Chi NSNN đến ngày 31/12 đạt khoảng 1.73 triệu tỷ đồng, bằng 83.4% dự toán.
- NHNN: Lãi suất VND bình quân liên ngân hàng tại kỳ hạn qua đêm trong phiên 26/12 đã tăng lên 1.02%/năm từ mức 0.74%/năm của phiên trước và gấp hơn 4 lần so với cuối tuần trước.

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2023 vừa được Tổng cục Thống kê:

- CPI tháng 12/2023 tăng 0.12% so với tháng trước, tăng 3.58% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân quý IV/2023 tăng 3.54% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3.25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra là dưới 4%.
- GDP quý IV/2023 ước tính tăng 6.72% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn quý IV các năm 2012-2013 và 2020-2022. GDP năm 2023 ước tính tăng 5.05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2.87% và 2.55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: GDP quý 3/2023 (đã điều chỉnh lần 3) +4.9% QoQ, thấp hơn dự kiến là +5.2% QoQ.
- Hoa Kỳ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần kết thúc ngày 16/12 là 205 nghìn, thấp hơn dự kiến là 215 nghìn (trước đó: 202 nghìn).
- Châu Âu: CPI tháng 11/2023 +2.4% YoY, khớp với dự báo (trước đó: +2.9% YoY). CPI lõi +3.6% YoY, khớp với dự báo (trước đó: +4.2% YoY).
- BoJ: Tiếp tục duy trì CSTT siêu nới lỏng, khớp với dự báo.
- Anh: Phó thống đốc BoE đưa ra quan điểm cần duy trì CSTT thắt chặt trong một thời gian dài do lạm phát đang giảm nhưng vẫn ở mức cao và thị trường lao động vẫn còn nóng.
- Anh: CPI tháng 11/2023 +3.9% YoY, thấp hơn dự báo +4.4% YoY (trước đó: +4.6% YoY). CPI lõi +5.1% YoY, thấp hơn dự báo +5.6% YoY (trước đó: +5.7% YoY).
- Anh: Doanh số bán lẻ CBI tháng 12/2023 đạt -32, giảm mạnh từ -11 của tháng trước, cho thấy tình trạng tài chính eo hẹp của hộ gia đình và mặt bằng lãi suất cao tiếp tục ảnh hưởng tới chi tiêu người tiêu dùng.
- Trung Quốc: PBoC cho biết sẽ duy trì thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng. Thông báo này được đưa ra sau thông tin về việc các ngân hàng lớn tại nước này được cho là sẽ cắt giảm lãi suất tiền gửi.
- Trung Quốc: PBoC giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (LPR) trong tháng 12. Lãi suất LPR kỳ hạn 1 năm: 3.45%; lãi suất LPR kỳ hạn 5 năm: 4.2%.
- Nhật Bản: Văn phòng Nội các ước tính GDP danh nghĩa của nước này sẽ lần đầu tiên vượt mức 600,000 tỷ Yên (4,200 tỷ USD) trong năm tài khóa 2024.

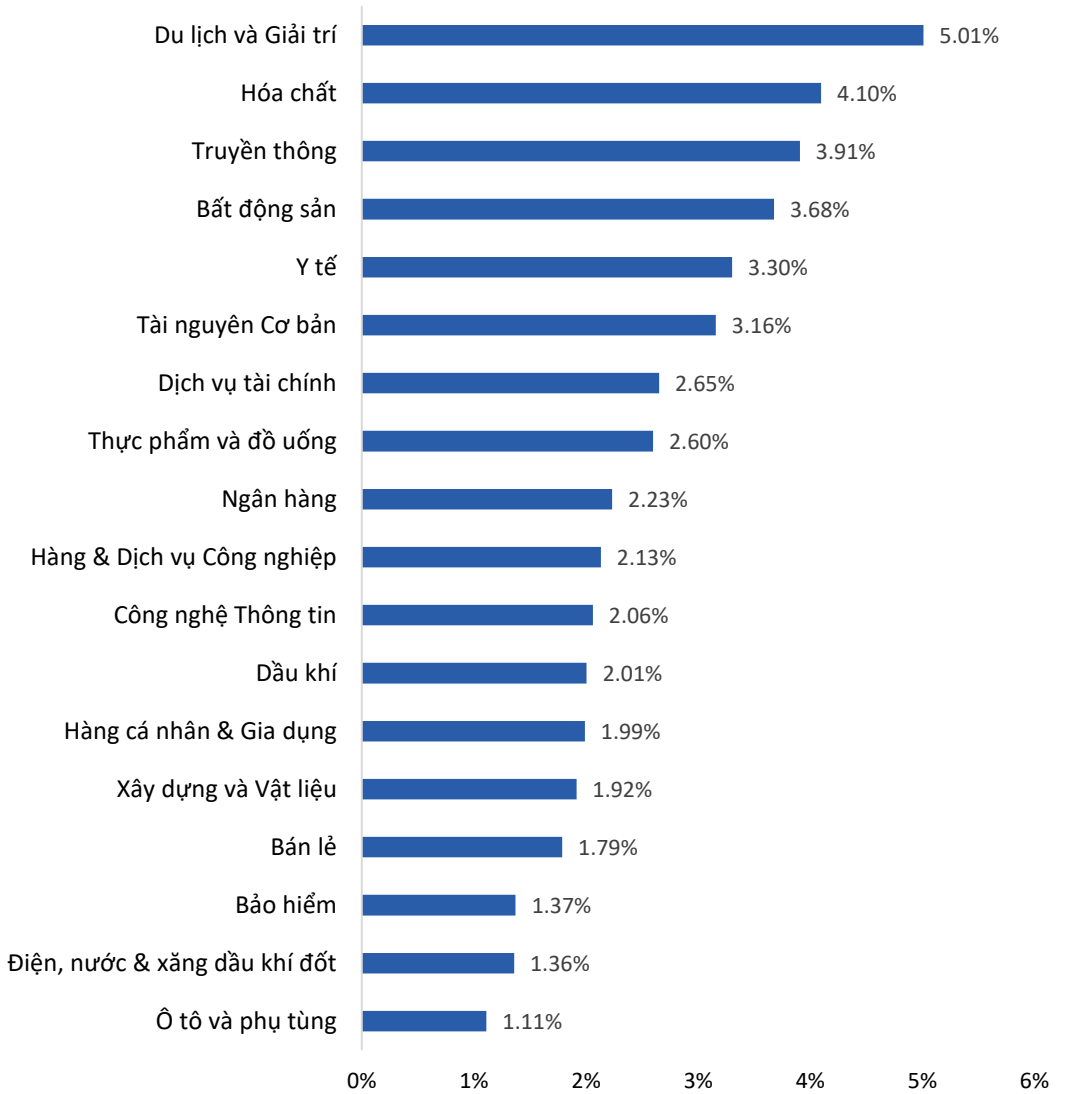
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Các dự báo kinh tế vĩ mô năm 2024 từ các tổ chức trong nước và quốc tế;
- 31/12, PMI Trung Quốc. 2/1, PMI Anh, Canda, Châu Âu và Hoa Kỳ. 3/1, PMI sản xuất Hoa Kỳ; thành viên FOMC phát biểu. 4/1, Biên bản FOMC; PMI dịch vụ EU; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp, thay đổi bảng lương phi nông nghiệp và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ; 5/1, CPI công bố lần đầu EU; Tỷ lệ thất nghiệp Canada và Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Du lịch và Giải trí	0.21%	5.01%	4.16%	HVN	-0.47%	
Hóa chất	2.39%	4.10%	4.84%	DRC	0.90%	DGC 0.94%
Truyền thông	0.41%	3.91%	14.15%	YEG	-8.60%	FOC -3.29%
Bất động sản	0.05%	3.68%	4.08%	VHM	3.32%	KDH -1.35%
Y tế	1.58%	3.30%	2.97%	DBD	-1.01%	PME 0.38%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	71.65	-0.17%	-2.60%	-3.50%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	77.04	-0.14%	-2.23%	-2.20%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USD/gal.	210.63	0.31%	-1.64%	-0.91%	HVN, VIC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	2062.98	-0.13%	0.48%	-0.45%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.7953	-0.75%	-1.62%	-6.63%	PNJ	
Đậu tương	USD/bu.	1298	-1.07%	-0.63%	-3.53%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USD/bu.	628	-0.55%	1.91%	4.19%		AFX
Sữa	USD/cwt	15.74	0.32%	0.90%	-5.75%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	253.4	1.16%	4.49%	-1.29%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USD/lb.	20.58	-5.42%	-0.19%	-17.98%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USD/lb.	188.3	-4.90%	-2.33%	2.14%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8559	-0.76%	-0.17%	-0.60%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4000	-0.17%	-0.05%	1.14%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2384	0.25%	2.49%	7.92%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	973.5	-0.26%	0.05%	6.16%		HPG
Than đá	USD/MT	133.8	-1.62%	-2.16%	-0.82%	HT1, BCC, PPC, POW	HLC, NBC, TNT, THT
Thép HRC	CNY/MT	4110	-0.05%	-0.29%	2.09%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VHM	0.07%	3.18
VPB	0.06%	2.09
MSN	0.06%	1.44
VIC	0.03%	1.39
HPG	0.03%	1.32
BID	0.02%	1.31
TCB	0.04%	1.06
HDB	0.07%	0.98
GVR	0.05%	0.95
SSB	0.06%	0.80
Tổng		14.52

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-0.01%	-0.81
LGC	-0.07%	-0.18
HDG	-0.05%	-0.12
HAG	-0.02%	-0.07
QCG	-0.07%	-0.05
TDP	-0.04%	-0.02
SGT	-0.04%	-0.02
SBT	-0.01%	-0.02
NTL	-0.04%	-0.02
TV2	-0.03%	-0.02
Tổng		-1.33

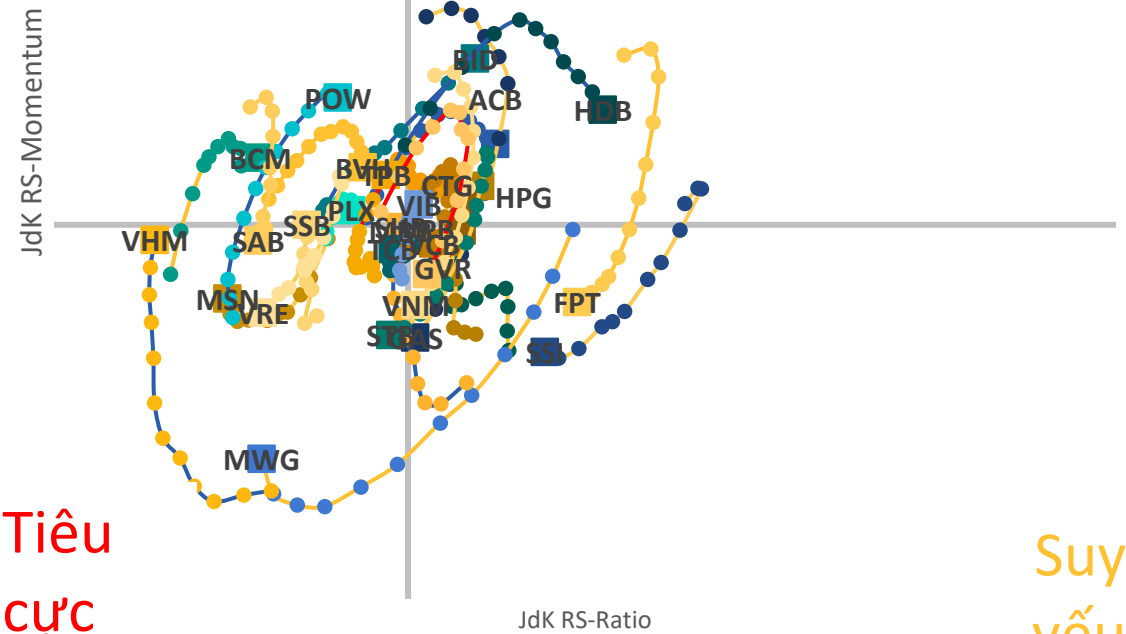
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HCM	115.13	2.70
VCB	80.86	23.53
HSG	79.65	20.86
PVD	66.57	22.09
STB	66.23	23.50
MSN	62.34	29.34
BCM	61.39	2.33
VPB	59.49	13.72
GEX	48.25	12.73
CMG	45.60	42.47
Tổng	685.50	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
GMD	-174.19	48.06
VNM	-173.31	55.16
NCG	-99.88	
GAS	-76.22	2.40
VTP	-73.88	
SSI	-72.51	
SHB	-71.05	6.08
VND	-65.19	22.84
VHM	-48.21	24.89
HDG	-42.45	23.36
Tổng	-896.87	

Vận động cổ phiếu VN30		
ACB	104.9376	102.1576
BID	103.796	104.4391
CTG	102.2113	101.0663
HDB	111.0038	103.0691
HPG	104.0842	101.0356
VIB	100.6143	100.5368
VJC	108.9198	102.7536
BCM	91.64941	101.7845
BVH	97.45692	101.5285
PLX	96.79507	100.3824
POW	96.04653	103.3949
TPB	98.75654	101.3208
VIC	88.8193	100.639
FPT	109.5581	97.92931
GAS	100.4217	96.98278
GVR	101.9721	98.83626
MBB	103.0424	99.84025
SSI	107.7365	96.59609
VCB	101.4316	99.49104
VNM	100.4347	97.85058
VPB	101.0966	98.67625
MSN	89.80436	98.02234
MWG	91.73357	93.73522
SAB	91.54914	99.56655
SHB	99.60651	99.92723
SSB	94.29238	99.98648
STB	99.01623	97.04695
TCB	99.15079	99.34189
VHM	85.70351	99.5897
VRE	91.80877	97.64702

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

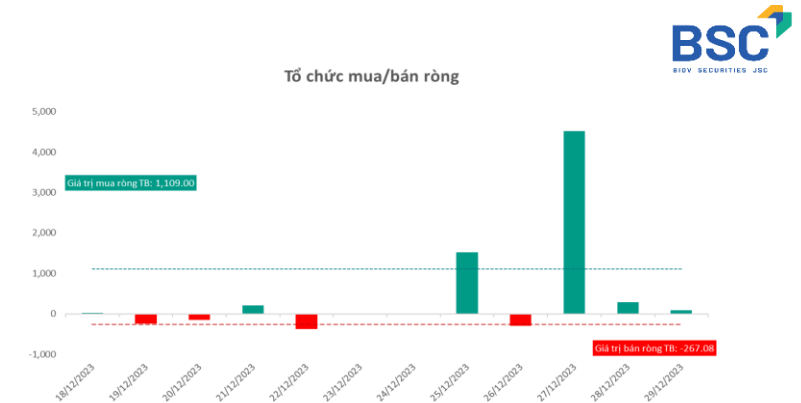
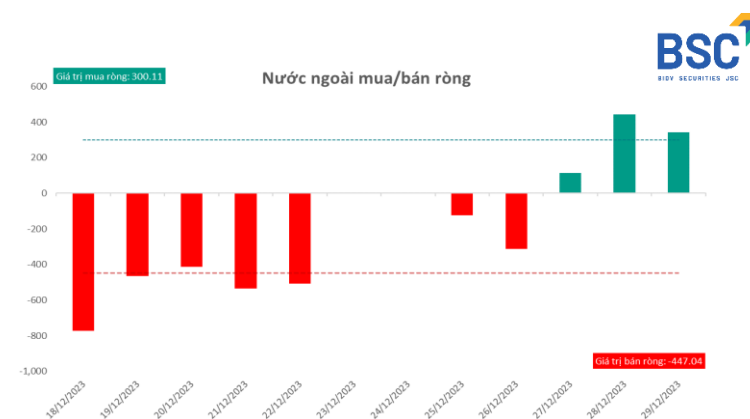
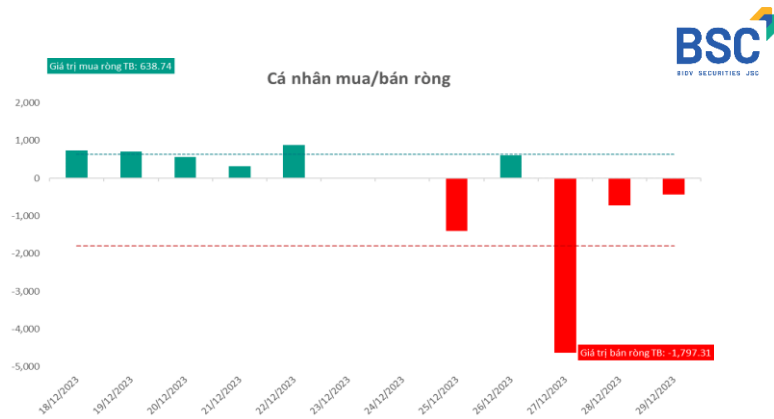
Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
VPB	16,955,500	325.44	HAH	2,233,100	-85.41	HCM	3,428,328	115.13	GMD	2,426,625	-174.19	EIB	17,023,129	293.29	VHM	116,813,526	-5184.49
ACB	4,557,534	108.46	TCB	1,626,374	-52.69	VCB	969,755	80.86	VNM	2,549,469	-173.31	GMD	3,015,725	216.29	VPB	27,557,080	-531.90
FUEVFNVD	3,051,400	77.38	E1VFN30	2,378,000	-46.30	HSG	3,508,666	79.65	GAS	1,006,506	-76.22	FPT	1,865,710	171.65	KDC	2,946,656	-188.04
DBC	2,511,600	67.42	OGC	4,230,000	-29.95	PVD	2,359,452	66.57	SSI	2,221,695	-72.51	GAS	1,892,994	143.53	CTG	6,456,910	-173.59
VNM	770,200	53.71	FUESSVFL	773,000	-14.16	STB	2,394,210	66.23	SHB	6,591,991	-71.05	VND	4,873,475	107.02	HPG	5,897,117	-167.44
VIB	2,305,640	45.49	NVL	730,203	-13.94	MSN	936,504	62.34	VND	2,988,975	-65.19	DGC	1,278,326	101.56	TDM	3,743,400	-153.40
STB	1,566,800	44.03	SZC	285,140	-12.79	BCM	980,900	61.39	VHM	1,140,184	-48.21	PET	3,264,100	83.92	HDB	6,504,372	-129.82
EIB	2,099,300	43.02	HPG	514,469	-12.67	VPB	3,183,598	59.49	HDG	1,522,700	-42.45	HAH	2,067,500	79.05	HSG	5,706,229	-128.66
KDC	610,700	40.88	MWG	312,300	-12.42	GEX	2,047,397	48.25	MSB	3,342,000	-42.40	SBT	4,000,579	53.23	STB	4,609,210	-128.16
VHM	837,310	36.07	GEX	347,900	-8.02	CMG	1,085,700	45.60	NLG	711,479	-26.62	REE	934,989	52.41	ACB	4,056,484	-95.23

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	80.3	-3.00%	0.70	18,435.00	5.30	5,797.00	13.90	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	43.4	1.60%	1.00	10,162.00	1.60	4,025.00	10.80	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	2.10%	1.10	6,257.00	13.40	1,727.00	11.10	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	31.8	1.00%	1.10	4,601.00	5.50	5,059.00	6.30	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	18.6	0.50%	1.10	3,994.00	10.60	3,496.00	5.30	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	28	1.30%	1.10	2,164.00	18.40	3,600.00	7.80	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	21.2	4.40%	1.70	3,483.00	6.50	714.00	29.70	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	31.8	0.80%	1.60	1,001.00	6.00	4,368.00	7.30	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	52.1	-0.20%	1.30	706.00	3.30	3,969.00	13.10	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	54.9	0.70%	1.60	1,011.00	1.40	2,651.00	20.70	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28	0.00%	1.40	6,676.00	23.50	(328.00)	-85.20	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	43.2	-1.10%	1.30	7,727.00	9.40	10,341.00	4.20	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	23	-0.90%	1.30	2,175.00	4.20	1,588.00	14.70	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	31.4	2.40%	1.30	1,031.00	2.20	1,280.00	24.50	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	36.6	-0.90%	1.20	579.00	2.80	1,582.00	23.20	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	94.4	0.40%	1.30	1,473.00	5.00	10,728.00	8.80	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	33.3	0.50%	1.10	535.00	1.40	6,403.00	5.20	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	32.4	1.70%	1.40	705.00	2.80	4,286.00	7.60	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	75.5	-0.70%	0.70	7,123.00	3.20	5,567.00	13.60	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	34.5	0.00%	1.00	1,801.00	0.70	2,125.00	16.20	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	38	-0.80%	1.10	746.00	3.20	1,953.00	19.50	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	28.3	1.10%	1.10	646.00	3.80	449.00	63.00	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.2	0.00%	0.90	1,082.00	2.60	602.00	18.70	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	67.6	-1.30%	0.80	5,803.00	5.40	3,935.00	17.20	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	67	0.00%	1.70	3,938.00	6.10	916.00	73.20	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	42.8	-0.60%	1.50	2,571.00	7.40	1,069.00	40.00	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	86	1.40%	0.60	1,159.00	5.60	5,503.00	15.60	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	74.4	0.00%	0.80	572.00	1.20	7,080.00	10.50	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	70.5	-2.10%	0.90	886.00	4.20	7,470.00	9.40	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	96.1	-0.50%	0.80	5,013.00	7.40	4,573.00	21.00	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	27.1	0.00%	1.00	5,978.00	5.20	3,664.00	7.40	1.20	27.20%	16.10%
ACB	Ngân hàng	23.9	0.60%	0.90	3,813.00	9.00	3,722.00	6.40	1.50	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	20.3	4.90%	0.70	2,412.00	10.40	2,765.00	7.30	1.50	20.00%	23.20%
LPB	Ngân hàng	15.8	-0.30%	0.90	1,655.00	1.10	1,410.00	11.20	1.60	3.90%	15.90%
VIB	Ngân hàng	19.6	-0.30%	1.10	2,042.00	7.20	3,534.00	5.50	1.50	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	22.2	0.50%	1.80	1,113.00	16.90	467.00	47.70	1.80	23.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	17.4	0.60%	1.10	1,574.00	2.20	2,697.00	6.50	1.20	28.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	32.8	-0.60%	1.50	2,020.00	17.20	1,090.00	30.10	2.20	46.10%	9.00%
CII	Xây dựng	17.2	2.40%	1.70	226.00	6.80	318.00	54.30	6.90	8.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.7	-0.80%	1.80	-	0.30	445.00	26.30	1.10	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	68.8	0.30%	1.20	280.00	3.00	681.00	101.00	0.80	43.50%	0.80%
HHV	Xây dựng	15.4	0.30%	1.60	261.00	3.00	919.00	16.80	0.60	4.80%	4.20%
LCG	Xây dựng	12	0.00%	1.50	94.00	1.80	482.00	24.90	0.90	3.10%	3.80%
BCM	KCN	62.9	0.30%	0.80	2,674.00	1.60	418.00	150.50	3.70	2.70%	1.70%
HUT	KCN	20.2	3.60%	1.70	741.00	8.80	56.00	357.50	4.90	2.00%	1.30%
PHR	KCN	49.7	0.60%	1.30	277.00	0.90	6,568.00	7.60	1.90	15.40%	26.90%
SZC	KCN	44.6	1.20%	1.60	220.00	3.30	1,405.00	31.70	3.30	3.00%	10.90%
HSG	Vật liệu	22.8	0.40%	1.80	577.00	12.10	(2,105.00)	-10.80	1.40	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	12	0.00%	1.30	188.00	0.10	176.00	68.20	0.90	3.60%	1.30%
NKG	Vật liệu	24.6	0.40%	1.90	267.00	5.60	(2,655.00)	-9.30	1.30	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	59	0.00%	0.50	162.00	0.30	5,309.00	11.10	1.50	17.40%	13.40%
KSB	Vật liệu	26.8	1.90%	1.70	84.00	2.30	1,482.00	18.00	1.00	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	17	2.10%	1.60	1,366.00	17.40	(295.00)	-57.70	0.80	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	19.4	1.60%	2.10	566.00	11.80	(317.00)	-61.10	0.80	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	32.6	0.00%	1.50	181.00	2.50	2,190.00	14.90	2.40	2.00%	16.90%
DIG	BĐS	26.8	0.20%	1.90	670.00	11.80	152.00	175.70	2.10	5.60%	1.10%
IJC	BĐS	14	0.00%	1.50	144.00	0.70	1,597.00	8.70	1.00	5.70%	10.90%
BSR	Dầu khí	18.6	0.50%	1.40	-	2.50	1,596.00	11.70	1.10	0.40%	9.70%
PVT	Dầu khí	26.4	0.20%	0.70	351.00	3.00	2,993.00	8.80	1.00	13.50%	16.40%
PLC	Vật liệu	31	0.00%	1.30	103.00	0.10	1,353.00	22.90	2.00	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	26.5	-0.40%	0.90	129.00	0.40	1,980.00	13.40	1.80	11.50%	13.50%
REE	Tiện ích	56.8	0.70%	0.70	954.00	1.70	6,445.00	8.80	1.20	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	23.6	0.90%	2.00	825.00	12.80	384.00	61.40	1.00	11.90%	5.40%
NT2	Tiện ích	24.5	2.10%	0.70	290.00	1.40	2,560.00	9.60	1.50	15.30%	16.20%
HDG	Bất động sản	27.6	0.20%	1.40	347.00	1.30	2,739.00	10.10	1.30	23.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	28.8	3.60%	1.70	368.00	3.40	944.00	30.50	1.40	5.60%	5.00%
GEG	Tiện ích	12.8	-2.70%	0.80	180.00	0.30	636.00	20.20	0.80	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.8	0.20%	2.20	193.00	1.40	(79.00)	-112.20	0.30	2.00%	0.30%
SAB	F&B	63	1.30%	0.80	3,319.00	4.10	3,518.00	17.90	3.30	62.30%	18.70%
QNS	F&B	45.8	0.70%	0.40	-	1.50	4,965.00	9.20	2.10	16.20%	24.30%
FRT	Bán lẻ	107	1.70%	0.70	599.00	1.80	(327.00)	-326.90	9.10	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	52.3	0.20%	1.50	359.00	2.30	2,984.00	17.50	3.90	23.60%	21.90%
DBC	F&B	27	0.40%	1.80	272.00	13.80	551.00	49.70	1.40	5.90%	2.90%
PET	Bán lẻ	27.6	-1.10%	1.40	121.00	0.40	837.00	33.00	1.50	1.40%	5.70%
BAF	F&B	25.8	0.20%	0.10	152.00	2.00	1,225.00	21.10	2.20	0.10%	10.20%
ANV	Thủy sản	31.1	0.50%	1.50	170.00	1.30	2,162.00	14.40	1.60	3.90%	10.00%
VSC	Logistics	29	-0.20%	1.00	159.00	0.30	1,370.00	21.20	1.20	3.20%	7.90%
HAH	Logistics	37.6	-0.40%	1.40	163.00	4.00	5,742.00	6.50	1.30	4.10%	24.60%
CTR	Công nghệ	91.8	1.80%	1.00	431.00	2.90	4,238.00	21.70	6.40	9.70%	32.10%
TNG	Dệt may	20	0.00%	1.20	93.00	0.90	2,353.00	8.50	1.50	21.50%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

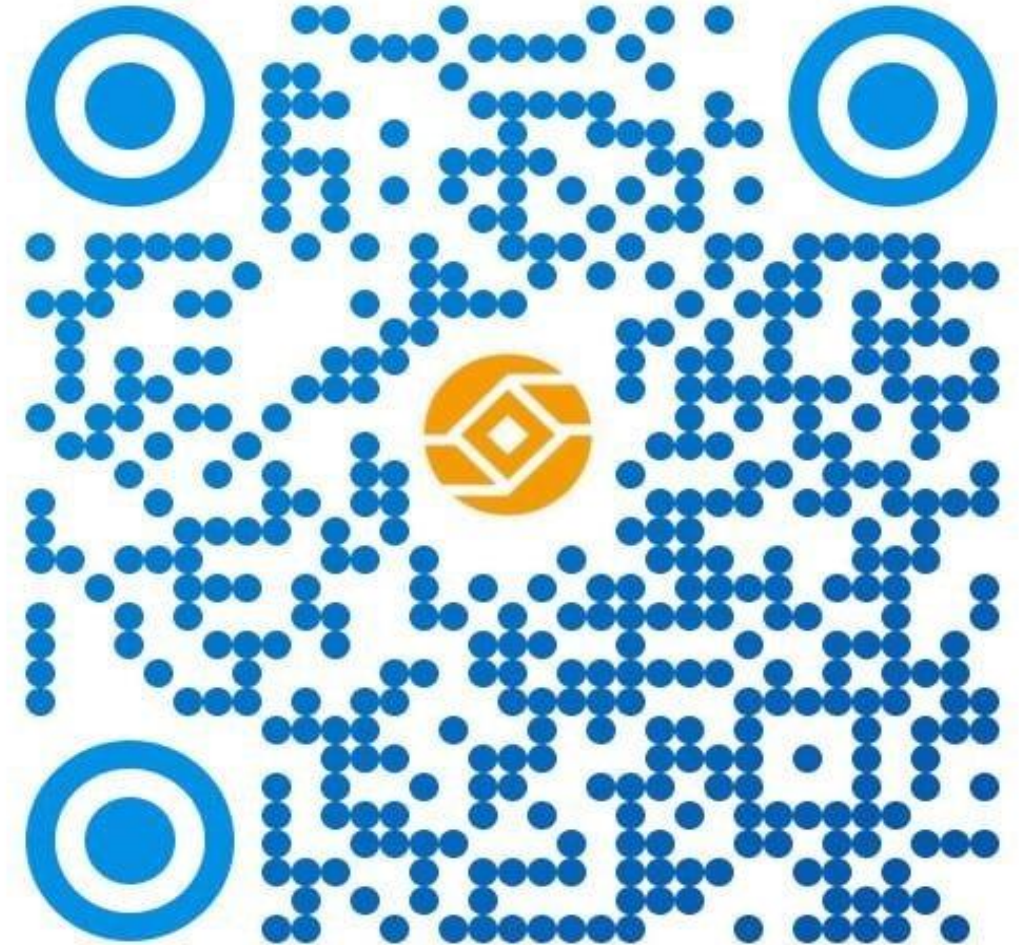
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký